

DỰ TOÁN ĐẦU TƯ HỆ THỐNG NLMT CÓ LƯU TRỮ KHÁCH SẠN 60 PHÒNG

72.59

Công suất hệ thống KWp
Tổng Giá trị Đầu tư chưa bao gồm VAT

Stt	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị	Hãng	Đơn giá
A. TẮM PIN					
1	Tấm pin AE595CMD-144BDS - 595W	122	Tấm	AE	1,647,268
B. INVERTER					
2	Lux 14kw	3	Bộ	Luxpower	34,960,000
C. HỆ THỐNG LƯU TRỮ					
3	Pin lưu trữ EVE 16 KW (bao gồm cáp AWG)	13	Pack		35,000,000
D. CÁC HẠNG MỤC KHÁC					
4	TỦ ĐIỆN DC TÍCH HỢP AC - DC				
4.1	Tủ phân phối và bảo vệ DC/AC 1500x1000x400mm	1	Tủ	VN	8,165,000
4.2	ATS 3 pha 200A	1			2,875,000
4.3	Đồng hồ điện Emic 3 Pha	1	cái	Emic	4,945,000
4.4	MCB 3P, 200A 3 pha	1	cái	LS/Mitsubishi/ panasonic	1,948,891
4.5	MCB DC 2P, 20A, 800V	12	cái	VN	346,568
4.6	SPD DC 2P, 500V	12	cái	VN	558,041
4.7	Vật tư phụ (Bao gồm đầu nối hoàn thiện tủ điện)	1	gói	VN	5,928,315
5	PHÂN CẤP DC - AC VÀ PHỤ KIỆN				
5.1	Dây DC - K4-1.5kV DC, 4.0 màu đỏ	1000	m	Leader	12,859
5.2	Dây DC - K4-1.5kV DC, 4.0 màu đen	1000	m	Leader	12,859
5.3	Kẹp dây DC	35	Cái	VN	2,156
5.4	Cu/XLPE/PVC 4C-50mm2 (sử dụng 1 giây máy nổ có sẵn 50m)	50	m	Cadivi	769,063
5.5	Dây AC đơn CXV 25mm	48	m	Cadivi	101,344
5.6	Dây AC đơn CXV 16mm	20	m	Cadivi	65,406
5.7	Domino 125A 4 cổng	4	Cái	Hanioung	271,688
5.8	Jack MC4 1000V (1 bộ chống nước)	30	bộ	Leader	32,200
5.9	Ống ruột gà lõi thép D20	24	m	VN	20,844

6	PG mạ kẽm- đầu nối D25	24	Đầu	VN	34,500
6.1	Ống điện Trắng D16	96	m	Sino	17,250
6.2	Ghen hộp 100x40	2	m	Sino	165,313
6	HỆ THỐNG KHUNG ĐỒ				
6.1	Rail nhôm 26x52mm dài 4.2m	75	Cây	VN	338,704
6.2	Nối Rail 20cm nhôm đặt cầm nặng tay, đã vào ốc	29	Bộ	VN	17,473
6.3	Chân L gồm: (80x40) bu lông +lông đèn+con chạy, đã vào ốc sẵn sàng lắp đặt	235	Cái	VN	22,177
6.4	Kẹp giữa mẫu đặt chữ T gồm: bu lông +lông đèn+con chạy, đã vào ốc sẵn sàng lắp đặt	202	Cái	VN	10,753
6.5	Kẹp biên 30 or 35, gồm: bu lông +lông đèn+con chạy, đã vào ốc sẵn sàng lắp đặt	108	Cái	VN	10,753
6.6	Kẹp tiếp địa đã vào ốc đầy đủ	122	Cái	VN	18,817
6.7	Lá tiếp địa	122	Cái	VN	2,016
6.8	Cáp tiếp địa vàng xanh kẹp tiếp địa tám pin 6mm (bao gồm đầu cốt C6)	90	m	Cadivi	26,881
7	HỆ THỐNG SÀN THAO TÁC				
7.1	Sàn thao tác kích thước / Size: 3000x300x50mm	42	m	VN	381,686
7.2	Nối sàn thao tác	26	cái	VN	8,364
7.3	Bulong M8 (Inox)	24	cái	VN	7,907
7.4	Suport gia cố sàn thao tác	28	Bộ	VN	148,924
7.5	Vật tư phụ	1	Gói	VN	1,520,661
8	HỆ THỐNG MÁNG CÁP/THANG CÁP				
	Máng cáp mạ kẽm 150x100mm + nắp máng	100	m	VN	297,137
	Máng cáp mạ kẽm 100x50mm (Kéo cáp AC)	50	m	VN	1,950,000

	Co vuông máng cáp 150x100mm + nắp	12	Cái	VN	85,157
	Phụ kiện nối máng cáp H = 100mm	80	Cái	VN	8,364
	Bulong M8 + long đèn + vít	160	Cái	VN	7,907
	Suport gia cố máng cáp 150x100mm trên mái tôn	67	Bộ	VN	148,924
	Vật tư phụ	1	Bộ		1,725,000
9	HỆ THỐNG TIẾP ĐỊA CHỐNG SÉT				
	Cọc tiếp địa 2.4m	2	Cọc	VN	179,688
	Cáp đồng trần 35mm2	10	m	Cadivi	140,875
	Kẹp tiếp địa hoặc hàn hóa nhiệt	2	gói	VN	179,688
	Ống PVC bọc cáp đồng 35mm2	10	m	Cadivi	26,680
	Hộp ktra tiếp địa	1	Cái	VN	467,188
10	HỆ THỐNG ỐNG DẪN NƯỚC VỆ SINH				
	Không Cần có Bồn nước trên mái sau dùng máy xịt rửa tấm bin được	-	-	-	-
11	HỆ THỐNG THANG LEO LÊN MÁI				
	Thang lên mái	1	gói	VN	5,000,000
12	HỆ THỐNG GIÁM SÁT TỪ XA				
	Hệ thống giám sát từ xa modum wifi + cáp (lấy tín hiệu từ modem lể tân tầng trệt	1	gói	VN	2,300,000
13	CHỐNG THẤM MÁI TÔN	1	Gói		
13.1	Revinex - Chất quét lót (thùng 5Kg)	1	Thùng		1,099,687
13.2	Neoproof PU W - trắng (thùng 13Kg)	2	Thùng		2,054,972
13.3	Vải sợi thủy tinh gia cường	0.5	Cuộn		3,665,625
14	CHI PHÍ NHÂN CÔNG				
14.1	Vận chuyển trang thiết bị đến công trình	1			11,500,000
14.2	Nhân công lắp đặt hoàn thiện	72.59			800,000
15	NHÀ KỸ THUẬT				
15.1	Nhà kỹ thuật 1.8M*4.0mM*2.7M	1			28,750,000

1,190,240,240

Thành tiền
200,966,702
104,880,000
455,000,000
429,393,538
8,165,000
2,875,000
4,945,000
1,948,891
4,158,818
6,696,494
5,928,315
12,859,300
12,859,300
75,469
38,453,125
4,864,500
1,308,125
1,086,750
966,000
500,250

828,000
1,656,000
330,625
25,402,781
502,343
5,211,602
2,172,005
1,161,270
2,295,659
245,963
2,419,313
16,030,810
217,455
189,779
4,169,867
1,520,661
29,713,719
97,500,000

1,021,884
669,091
1,265,190
9,928,254
1,725,000
359,375
1,408,750
359,375
266,800
467,188
-
5,000,000
2,300,000
1,099,687
4,109,943
1,832,813
11,500,000
58,072,000
28,750,000